TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 06/2022/HS-ST
Ngày 02/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đặng Anh Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phạm Văn Miền

+ Ông Lê Khả Hòa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Minh Chinh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/HSST, ngày 27 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Đặng Thị T; tên gọi khác: không, sinh ngày 10/02/1984 tại: huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964. Bị cáo có chồng tên là Trương Quang T, sinh năm 1976. Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 12/10/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Võ Hồng Thái N, sinh năm 1980. Có mặt.

Trú tại: Thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

- Người làm chứng

+ Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

+ Chị Lê Thị T, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Ml, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

+ Chị Trần Thị X, sinh năm 1982. Có mặt.

Trú tại: Thôn Ml, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 25/9/2021, chị Võ Hồng Thái N, đến nhà chị Lê Thị T, trú tại thôn Ml, xã D, huyện Đ, tỉnh G để uống rượu. Tại đây, có chị Trần Thị X, chị Phạm Thị Lan, Đặng Thị T, cùng trú tại thôn Ml, xã D, huyện Đ, tỉnh G và chị Nguyễn Thị X, trú tại thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G cùng ngồi uống rượu với nhau. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, mọi người chuẩn bị đi về, lúc này chị N say rượu nên chị Nguyễn Thị X ra lấy xe của chị N để chở chị N về nhưng không có chìa khóa xe, nên chị N mới mở túi xách mang trên người cho chị Trần Thị X lấy chìa khóa xe máy, lúc này, Đặng Thị T đang đỡ chị N thì thấy trong túi của chị N có tiền, nên T đã cầm xấp tiền, mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) đưa lên cho mọi người xem sau đó đã bỏ lại vào túi xách của chị N. Sau khi tìm được chìa khóa xe, chị Nguyễn Thị X điều khiển xe chở chị N và Đặng Thị T ngồi sau đỡ chị N đi về nhà chị N tại thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G. Trên đường đi, T thấy túi xách của chị N không khóa, nên đã lén lút dùng tay trái lấy xấp tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) giấu vào trong áo ngực của T. Khi về đến nhà chị N, do không có chìa khóa vào nhà nên chị Nguyễn Thị X đi tìm con trai của chị N về để mở cửa. Khi con trai của chị N về, chị Nguyễn Thị X có nói với con trai của chị N kiểm tra túi xách của chị N nhưng không thấy xấp tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Sau đó chị Nguyễn Thị X chở Đặng Thị T quay lại nhà chị Lê Thị T để lấy xe và đi về nhà.

Đến sáng ngày 26/9/2021, sau khi ngủ dậy, chị N phát hiện bị mất số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) được cất trong túi xách đeo trên người khi đến nhà chị T uống rượu nên đã đi tìm. Đến ngày 28/9/2021 do không tìm thấy số tiền trên, chị N đã làm đơn trình báo Công an xã D, huyện Đ về sự việc trên.

Ngày 29/9/2021, hành vi trộm cắp của Đặng Thị T bị phát hiện, T thừa nhận đã lấy trộm số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) trong túi xách

của chị N khi đưa chị N về nhà ngủ vào ngày 25/9/2021. Sau đó, chị T đã đem số tiền này về nhà cất giấu. Ngày 26/9/2021, do lo sợ bị phát hiện nên T đã gói số tiền này vào túi ni lông và ném vào sân nhà chị N. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiến hành kiểm tra khu vực sân nhà chị N phát hiện 01 bọc ni lông bên trong có một xấp tiền VNĐ loại tiền polime mệnh giá 500.000 đồng, qua kiểm đếm bên trong có một trăm tờ tiền VNĐ mệnh giá 500.000 đồng. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ lập biên bản niêm phong số tiền theo quy định.

Tại bản Kết luận giám định số: 690/KLGĐ ngày 27/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G kết luận: 100 (một trăm) tờ tiền Việt Nam Đồng (VNĐ) mệnh giá 500.000 đồng mẫu cần giám định là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT-VKS, ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố bị cáo Đặng Thị T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị:

- Về tội danh: Đề nghị tuyên bố:

Bị cáo Đặng Thị T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

- Về mức hình phạt: Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; các Điều 38, 50, 65; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị T: Từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

- Về xử lý vật chứng của vụ án: Đã được xử lý trong quá trình điều tra vụ án. Vì vậy, không đề cập.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đặng Thị T đã tự nguyện bồi thường cho chị N số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) về thiệt hại những ngày chị N không có tiền để kinh doanh. Chị N đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo T.

Về án phí: Bị cáo Đặng Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bị hại: Không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo T. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào ngày 25/9/2021, Đặng Thị T có hành vi trộm cắp 01 xấp tiền gồm 100 tờ tiền polime, mệnh giá 500.000 đồng, tổng tài sản là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của chị Võ Hồng Thái N tại thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

[2] Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Thị T trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng.

[3] Hành vi lợi dụng bị hại đang trong tình trạng say rượu, sơ hở trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) của bị cáo Đặng Thị T đã phạm vào tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng số: 03/CT-VKS, ngày 26/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Bị cáo Đặng Thị T tuổi còn trẻ, có sức khoẻ nhưng lười nhác lao động, bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để thoả mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân, bị cáo bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về thu nhập cho bị hại trong những ngày bị hại không có tiền để kinh doanh; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều

51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo là phù hợp.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Đặng Thị T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo lần đầu phạm tội, từ trước cho đến khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật, bị cáo là phụ nữ đang nuôi con nhỏ, vì bộc phát không kiềm chế được lòng tham nhất thời đã trộm cắp tài sản, tuy nhiên sau đó bị cáo đã đem tiền đến bỏ lại trong sân nhà bị hại, đã thể hiện sự ăn năn và hối hận của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[7] Về vật chứng của vụ án:

100 (một trăm) tờ tiền Việt Nam Đồng (VNĐ) mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là chị Võ Hồng Thái N. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Đặng Thị T đã tự nguyện bồi thường cho chị N số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) về thiệt hại những ngày chị N không có tiền để kinh doanh. Chị N đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo T. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Đặng Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- điểm c khoản 2 Điều 173; các Điều 50, 65; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án, ngày 02/3/2022.

Giao bị cáo Đặng Thị T cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh G giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/3/2022) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà